

Bình Phước, ngày 26 tháng 9 năm 2022

TÒ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng
đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động
trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015,

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1758/TTr-SLĐTBXH ngày 07/9/2022, Công văn số 1878/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 23/9/2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Từ năm 2000 đến nay, các văn bản pháp luật quy định về chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội không ngừng được sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Mức chuẩn trợ giúp xã hội liên tục được điều chỉnh trong các nghị định của Chính phủ tăng từ 45.000 đồng (năm 2000) đồng lên lần lượt 120.000 đồng (năm 2007), 180.000 đồng (năm 2010), 270.000 đồng (năm 2013), 360.000 đồng (năm 2021)¹.

Mặc dù mức chuẩn trợ giúp xã hội được điều chỉnh tăng từ mức 45.000 đồng lên mức 360.000 đồng, nhưng vẫn quá thấp so với mức lương cơ sở và chuẩn nghèo về tiêu chí thu nhập. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, chuẩn nghèo 1.500.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ nghèo khu vực nông thôn; 2.000.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ nghèo khu vực thành thị (theo Nghị định số

¹ Quy định tại các Nghị định: Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội; Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) trong khi mức chuẩn trợ cấp xã hội là 360.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ) chỉ bằng 24,16% mức lương cơ sở, bằng 24% chuẩn nghèo khu vực nông thôn và bằng 18% so với chuẩn nghèo khu vực thành thị; tốc độ thay đổi chuẩn trợ cấp xã hội chậm hơn nhiều lần so với sự thay đổi của mức lương cơ sở và mức sống trung bình.

Hiện nay, toàn tỉnh có 20.007 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng; trong đó có 349 đối tượng bảo trợ xã hội thuộc 307 hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh.

Ngoài mức trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mang tính bình quân (các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo hoặc hộ khá giả đều nhận mức hỗ trợ như nhau) nên đối với các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động, đời sống của họ vô cùng khó khăn vì ngoài khoản trợ cấp xã hội, họ hầu như không có khoản thu nhập ổn định nào khác do bản thân và các thành viên không có khả năng lao động, họ luôn cần hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ hàng tháng để đảm bảo mức sống tối thiểu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, mục tiêu đến năm 2025, thu ngân sách đạt từ 18.000 tỷ đến 18.500 tỷ, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 100 triệu đồng/năm. Với định hướng này, kinh tế và đời sống của người dân Bình Phước ngày càng tốt hơn. Để thực hiện mục tiêu, chương trình hành động thực hiện nghị quyết cũng đặt ra yêu cầu: “Lấy hiệu quả kinh tế làm trọng tâm, quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo phát triển bền vững”.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 là rất cần thiết nhằm hỗ trợ khoản thu nhập ổn định cho các đối tượng này có mức sống trung bình, góp phần xóa dần khoảng cách về thu nhập, tạo điều kiện để họ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định: “Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

- Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 nhằm tạo ra tiền đề cho sự ổn định xã hội, góp phần củng cố những thành quả trong đổi mới kinh tế, chính trị, tạo lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm: Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo chính sách an sinh xã hội, trong đó quan tâm trợ giúp nhóm đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngân sách của tỉnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết được xây dựng theo khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, đến nay đã thực hiện qua các bước công việc sau:

Ngày 09/9/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1686/SLĐTBXH-QLLVXH về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi các sở, ban, ngành tỉnh; Công văn số 1969/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 10/9/2021 về việc đề nghị đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành, ngày 09/3/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 379/TTr-SLĐTBXH xin chủ trương Thường trực Tỉnh ủy xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Ngày 10/6/2022, Ban cán sự đảng UBND tỉnh có Tờ trình 128-TTr/BCS về việc xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với một số Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa X.

Ngày 17/6/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 350-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phiên thứ 21/2022.

Thực hiện Công văn số 296/HĐND ngày 18/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 2257/UBND ngày 22/8/2022).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Công văn số 1394/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/7/2022; Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022).

Đến ngày 30 tháng 8 năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 12 đơn vị/15 đơn vị gửi lấy ý kiến (03 sở, 08 huyện, thị xã, thành phố và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh). Trong đó có 09 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị quyết; 03 đơn vị góp ý cụ thể vào nội dung Dự thảo Nghị quyết.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giải trình, tiếp thu ý các kiến góp ý (Báo cáo số 239/BC-SLĐTBXH ngày 30/8/2022), hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định (Công văn số 1711/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 30/8/2022). Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), trình UBND tỉnh.

Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được thông qua UBND tỉnh (bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh (Công văn số 1878/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 23/9/2022), tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục: Nghị quyết gồm 04 điều:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2: Đối tượng áp dụng;

Điều 3: Mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện;

Điều 4: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (*Mức hỗ trợ không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định*);

không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 - 2025).

b) Kinh phí thực hiện: Trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh), được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp của địa phương.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

- Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

- Báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

- Báo cáo số 239/BC-SLĐTBXH ngày 30/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, ý kiến phản biện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025;

- Các văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương; ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LD-TB&XH;
- LDVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

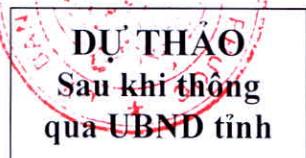
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Trần Tuệ Hiền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2022/NQ-HĐND



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng
bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động
trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXH ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (*Mức hỗ trợ này không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định*).

2. Kinh phí thực hiện: Trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh), được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp của địa phương.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính,
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ LĐTBXH;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND,
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 245 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 07 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với
dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng
bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động
trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 30/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1711/SLĐTBXH-QLLVXH gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; ngày 06/9/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số 220/BC-STP của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và đề nghị của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu xem xét, tiếp thu và giải trình cụ thể các ý kiến tại mục II Báo cáo như sau:

1. Tại điểm 2: đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đưa đoạn “không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 – 2025” cho phù hợp vì việc quy định đoạn này là không cần thiết, việc xác định tiêu chí thu nhập hàng năm đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Cục Thống kê chỉnh sửa lại các tiêu chí khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

* **Ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** qua rà soát lại quy định về tiêu chí chấm điểm ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, tại mẫu 3.3 (bảng quy ước điểm phiếu B1), chỉ tiêu số 06, các khoản thu nhập để

tính điểm hộ nghèo bao gồm lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng. Như vậy, khoản hỗ trợ bổ sung này đương nhiên không tính điểm khi xác định hộ nghèo. Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thống nhất bỏ nội dung này khỏi dự thảo Nghị quyết.

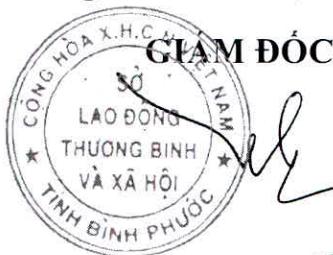
2. Tại điểm 4: Điều 4 dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bỏ tên của Điều; đồng thời chuyển nội dung đoạn đầu của điều lên cho phù hợp, cụ thể.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Thông nhất tiếp thu ý kiến.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 – 2025 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhân:

- UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - GD, các PGD Sở;
 - Lưu: VT, QLLVXH (M.06/9).



Huỳnh Thị Thùy Trang

Số:220 /BC-STP

Bình Phước, ngày 06 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1711/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 30/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1711/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 30/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 đã được HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ

hợp thứ 4 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá X tại Công văn số 44/HĐND ngày 17/02/2022.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 350-KL/TU ngày 17/6/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phiên thứ 21/2022. Do đó, để dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đưa nội dung đoạn “không tính vào tiêu chí thu nhập ... giai đoạn 2022-2025” cho phù hợp vì việc quy định đoạn này là không cần thiết, việc xác định tiêu chí thu nhập hàng năm đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Cục Thống kê chỉnh sửa lại các tiêu chí khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 phù hợp văn bản đã giao HĐND quy định chi tiết.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại Điều 4 dự thảo đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bỏ

tên của Điều; đồng thời chuyển nội dung đoạn đầu của điều lên cho phù hợp, cụ thể.

III. Kết luận

Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở LĐ-TB&XH;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Tú

Số: 239 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 30 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, ý kiến phản biện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Công văn số 2257/UBND-TH ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp chuyên đề tháng 9/2022 của HĐND tỉnh.

Để đảm bảo văn bản tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đúng quy định của pháp luật, ngày 22 tháng 08 năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH gửi các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để nghị các đơn vị góp ý kiến toàn diện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Đến ngày 30/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 12 đơn vị/15 đơn vị gửi lấy ý kiến (03 sở, 08 huyện, thị xã, thành phố và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh). Trong đó có 09 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị quyết; 03 đơn vị góp ý cụ thể vào nội dung Dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật và các văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu tiếp thu, báo cáo lý do các nội dung không tiếp thu, cụ thể như sau:

1. Đối với ý kiến góp ý của Sở Tài chính (Công văn số 2353/STC-HCSN ngày 30/8/2022)

Tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ nội dung: “*Khoản kinh phí địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ thêm cho các đối tượng này không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 - 2025*”. Lý do: nội dung này không có trong ý kiến kết luận của Ban cán sự Đảng.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Đề nghị giữ nội dung này nhằm xác định rõ mức hỗ trợ này không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo, chỉ viết lại cho rõ ý.

Lý do: đối tượng hỗ trợ là đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động, theo quy định, họ được nhận trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và các chế độ, chính sách của hộ nghèo (hỗ trợ bảo hiểm y tế, chi phí học tập, tiền điện, vay vốn ưu đãi,...). Một điều lưu ý là đối tượng này không có khả năng lao động, do vậy cần có thêm một khoản hỗ trợ (bổ sung) để giúp họ trang trải cuộc sống hàng ngày. **Mức hỗ trợ này phải được xác định là mức hỗ trợ bổ sung, ngoài các chế độ mà họ đương nhiên được hưởng** (trợ cấp bảo trợ xã hội và chính sách hộ nghèo). Vì vậy, cần có nội dung: “mức hỗ trợ này không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo giai đoạn 2022 – 2025” để cụ thể trong triển khai thực hiện.

2. Đối với ý kiến góp ý của Sở Tư pháp (Công văn số 1169/STP-PC ngày 25/8/2022)

a) Ý kiến 01: Tại phần đề nghị ban hành: Đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “nhân dân” cho phù hợp theo mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Thông nhất tiếp thu, điều chỉnh.

b) Ý kiến 02: Tại Điều 3 dự thảo

- Đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chỉnh sửa theo hướng một khoản quy định cụ thể về mức hỗ trợ và một khoản quy định về việc đảm bảo kinh phí thực hiện cho cụ thể, rõ ràng.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Thông nhất tiếp thu, điều chỉnh.

- Về mức hỗ trợ hàng tháng cho các đối tượng ở thành thị và nông thôn có mức chênh lệch khá cao. Do đó, đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính đánh giá lại và lựa chọn mức hỗ trợ cho phù hợp với mức sống tối thiểu của người dân tại các khu vực.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Mức hỗ trợ được xây dựng căn cứ vào chuẩn hộ nghèo và chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 (chênh lệch giữa thành thị và nông thôn là 500.000 đồng). Mức hỗ trợ này đã được Sở

Tài chính thống nhất tại Công văn 2353/STC-HCSN ngày 30/8/2022, được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất chủ trương thực hiện tại Kết luận số 350 - KL/TU ngày 17/6/2022 (trên cơ sở Tờ trình số 128 -TTr/BCS ngày 10/6/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh).

3. Đối với ý kiến góp ý của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (Công văn số 1765/MTTQ-BTT ngày 22/8/2022)

a) Ý kiến 01: Về căn cứ pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo dự thảo Nghị quyết xem xét, cân nhắc bổ sung các căn cứ pháp lý sau: (1) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính pháp lý của dự thảo Nghị quyết.

* **Ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo.

Lý do: Tại phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết đã có: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 đã đảm bảo đầy đủ tính pháp lý.

b) Ý kiến 02: Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được quy định tại điều 1 và điều 2: Đề nghị nghiên cứu gộp lại và trình bày “Phạm vi điều chỉnh” và “Đối tượng áp dụng” trong 01 điều và chia thành 02 khoản, đảm bảo tính hợp lý, tính khoa học và logic. Có thể được trình bày như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(1) Phạm vi điều chỉnh.

(2) Đối tượng áp dụng”.

* **Ý kiến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo.

Lý do: Thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu số 7, phụ lục V Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Ý kiến 03: Về đối tượng áp dụng: Đề nghị xem xét, nghiên cứu bỏ khoản 1, điều 2 của Dự thảo Nghị quyết. Vì đối tượng áp dụng của Dự thảo Nghị quyết này được hiểu là các đối tượng được thụ hưởng chính sách này của

Nghị quyết, mà cụ thể là: “Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động”, còn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động là “Chủ thể triển khai thực hiện” nên xem xét đưa vào phần quy định tại điều 4 “Tổ chức thực hiện” cho phù hợp hơn.

* **Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Đề nghị giữ theo dự thảo nghị quyết.

Lý do: đối tượng áp dụng ngoài đối tượng được thụ hưởng, còn bao gồm các tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện chính sách này khi nghị quyết được ban hành.

d) Ý kiến 04: Tại điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ:

- Đề nghị chỉnh sửa nội dung quy định cho dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh hiểu sai khi áp dụng chính sách hỗ trợ trong thực tế, có thể chỉnh sửa thành: “Kinh phí hỗ trợ các đối tượng được trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tinh) theo định mức 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (Mức hỗ trợ không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định)”.

- Một số ý kiến đề nghị xem xét quy định định mức hỗ trợ “Ngân sách tinh hỗ trợ mức 1.500.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng ở khu vực nông thôn và mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng ở khu vực thành thị (ngoài khoản trợ cấp xã hội hàng tháng mà đối tượng đang được hưởng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ)”, nhằm phù hợp với tình hình thực tế, nhất là phù hợp với quy định về chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 - 2025 được quy định theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Một số ý kiến đề nghị nên quy định mức hỗ trợ cho đối tượng ở khu vực nông thôn phải bằng với các đối tượng ở khu vực thành thị, bởi vì đây là kinh phí địa phương hỗ trợ thêm cho nhóm đối tượng này. Mức chênh lệch (500.000đ) giữa hai nhóm đối tượng khá cao, nếu để nguyên như dự thảo cần giải trình rõ hơn. Mặt khác, đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động ở khu vực nông thôn chịu nhiều thiệt thòi hơn đối tượng thuộc khu vực thành thị về khoảng cách đi lại khám, trị bệnh và tiếp cận các dịch vụ; bên cạnh đó giá cả hàng hóa, chi phí phục vụ trên các địa bàn của tỉnh chênh lệch thấp, nhiều mặt hàng vùng nông thôn cao hơn thành thị do chi có thêm chi phí vận chuyển. Vì vậy đề nghị nên quy định mức bằng nhau cho phù hợp, công bằng, dễ thực hiện.

* Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh nội dung mức hỗ trợ tại dự thảo như sau:
Mức hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (*Mức hỗ trợ không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định; không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 – 2025*).

Đối với các ý kiến đề nghị nâng mức hỗ trợ, xem xét lại khoản chênh lệch trong mức hỗ trợ giữa thành thị và nông thôn: Sở đề nghị giữ lại nội dung như dự thảo nghị quyết.

Lý do: phù hợp với ngân sách địa phương, với quy định về tiêu chí thu nhập của hộ nghèo ở thành thị và nông thôn được quy định tại nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý đối với các văn bản Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

(Kèm theo các văn bản góp ý đối với Dự thảo của các đơn vị)./.
[Signature]

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Các cơ quan góp ý;
 - Lưu: VT, QLLVXH (M.26.8).



Huỳnh Thị Thùy Trang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1627 /SKHĐT- THQH
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động thương binh và Xã hội.

Theo đề nghị của Sở Lao động thương binh và Xã hội tại Công văn số 1626/SLĐTBXH – QLLVXH ngày 22/8/2022 về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

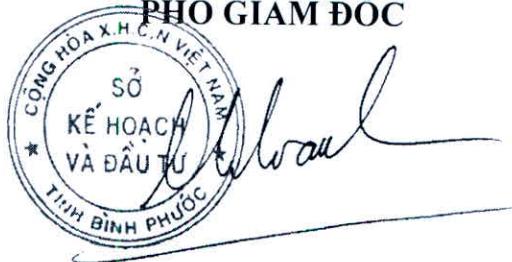
Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi Sở Lao động thương binh và Xã hội tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT; THQH(T. Tài).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Minh

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP
Số:1169/STP-PC
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Qua xem xét dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp góp ý như sau:

1. Tại phần đề nghị ban hành đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “nhân dân” cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tại Điều 3 dự thảo:

a) Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉnh sửa theo hướng một khoản quy định cụ thể về mức hỗ trợ và một khoản quy định về việc đảm bảo kinh phí thực hiện cho cụ thể, rõ ràng.

b) Về mức hỗ trợ hàng tháng cho các đối tượng ở thành thị và nông thôn có mức chênh lệch khá cao. Do đó, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính đánh giá lại và lựa chọn mức hỗ trợ cho phù hợp với mức sống tối thiểu của người dân tại các khu vực.

Trên đây là góp ý của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (báo cáo);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Tri

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 4765 /MTTQ-BTT
“V/v tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 22 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Luật Mật trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mật trận Tổ quốc Việt Nam “Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mật trận Tổ quốc Việt Nam”; Công văn số 766-CV/TU, ngày 24/02/2022 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất phê duyệt đối với Chương trình giám sát và phản biện xã hội năm 2022 Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 1394/SLĐTBXH-QLLVXH, ngày 22/7/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 02/8/2022, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 276/KH-MTTQ-BTT về việc tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025*” với hình thức tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, địa phương và cá nhân được mời tham gia phản biện đối với dự thảo Nghị quyết; Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã tổng hợp, cụ thể như sau:

1. Ý kiến phản biện xã hội chung

1.1. Về cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết quy định về đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2022 - 2025 là hoàn toàn phù hợp với các quy định theo hướng dẫn tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của

Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng được tình hình thực tiễn tại tỉnh Bình Phước.

2.2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Đa số các ý kiến nhận định việc ban hành Nghị quyết nhằm đảm bảo cho ngành chức năng và các địa phương chủ động triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ theo định mức hàng tháng; tạo khung pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách, đảm bảo các chế độ chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định, qua đó góp phần giúp cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách có thêm điều kiện để trang trải cuộc sống, có khả năng tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, xóa dần khoảng cách về thu nhập, thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu đề ra.

2. Ý kiến phản biện xã hội cụ thể

2.1. Về căn cứ pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo dự thảo Nghị quyết xem xét, cân nhắc bổ sung các căn cứ pháp lý sau: (1) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính pháp lý của dự thảo Nghị quyết.

2.2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1 và Điều 2: Đề nghị nghiên cứu gộp lại và trình bày “Phạm vi điều chỉnh” và “Đối tượng áp dụng” trong 01 điều và chia thành 02 khoản, đảm bảo tính hợp lý, tính khoa học và logic. Có thể được trình bày như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(1) Phạm vi điều chỉnh.

(2) Đối tượng áp dụng”.

2.3. Về đối tượng áp dụng: Đề nghị xem xét, nghiên cứu bỏ khoản 1, điều 2 của Dự thảo Nghị quyết. Vì đối tượng áp dụng của Dự thảo Nghị quyết này được hiểu là các đối tượng được thụ hưởng chính sách này của Nghị quyết, mà cụ thể là: “Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động”, còn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động là “Chủ thể triển khai thực hiện” nên xem xét đưa vào phần quy định tại điều 4 “Tổ chức thực hiện” cho phù hợp hơn.

2.4. Tại Điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ:

- Đề nghị chỉnh sửa nội dung quy định cho dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh hiểu sai khi áp dụng chính sách hỗ trợ trong thực tế, có thể chỉnh sửa thành: “*Kinh phí hỗ trợ các đối tượng được trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) theo định mức 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (Mức hỗ trợ không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định)*”.

- Một số ý kiến đề nghị xem xét quy định định mức hỗ trợ “*Ngân sách tỉnh hỗ trợ mức 1.500.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng ở khu vực nông thôn và mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng ở khu vực thành thị (ngoài khoản trợ cấp xã hội hàng tháng mà đối tượng đang được hưởng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ)*”, nhằm phù hợp với tình hình thực tế, nhất là phù hợp với quy định về chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 - 2025 được quy định theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Một số ý kiến đề nghị nên quy định mức hỗ trợ cho đối tượng ở khu vực nông thôn phải bằng với các đối tượng ở khu vực thành thị, bởi vì đây là kinh phí địa phương hỗ trợ thêm cho nhóm đối tượng này. Mức chênh lệch (500.000đ) giữa hai nhóm đối tượng khá cao, nếu để nguyên như dự thảo cần giải trình rõ hơn. Mặt khác, đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động ở khu vực nông thôn chịu nhiều thiệt thòi hơn đối tượng thuộc khu vực thành thị về khoảng cách đi lại khám, trị bệnh và tiếp cận các dịch vụ; bên cạnh đó giá cả hàng hóa, chi phí phục vụ trên các địa bàn của tỉnh chênh lệch thấp, nhiều mặt hàng vùng nông thôn cao hơn thành thị do chi có thêm chi phí vận chuyển. Vì vậy đề nghị nên quy định mức bằng nhau cho phù hợp, công bằng, dễ thực hiện.

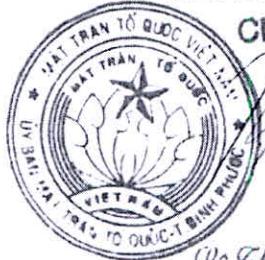
Trên đây là tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025*”; đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản tiếp thu giải trình gửi cho Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (*chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải trình cụ thể*)./.

Nơi nhận: *✓*

- BTT.UBTWMTTQVN;
- Ban DCPL + Ban CTPN (MTTW);
- TT Tỉnh ủy; TT. HĐND; UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Như Kính gửi;
- Thành phần tham gia PBXH;
- Ban DCPL, KT (MTTQVN tỉnh);
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

CHỦ TỊCH



Lê Thị Xuân Trang

UBND THỊ XÃ PHƯỚC LONG
PHÒNG NỘI VỤ - LĐTB&XH

Số: 160 /NV-LĐTBXH

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phước Long, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Sở LĐ-TB&XH **tỉnh** Bình Phước.

Thực hiện Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở LĐTB&XH tỉnh Bình Phước về việc góp ý lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025. Phòng Nội vụ - LĐTB&XH thị xã Phước Long hoàn toàn nhất trí với dự thảo Nghị quyết trên, không có ý kiến nào đóng góp thêm.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 của phòng Nội vụ - LĐTB&XH thị xã Phước Long./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thị xã (thay b/c);
- Lưu .

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Thị Lành

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG

Số: 1215/UBND-VX
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Riềng, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh,

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị Quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2025, UBND huyện thống nhất với các nội dung dự thảo.

UBND huyện Phú Riềng gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ - Lao động, TBXH;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

mlc



UBND HUYỆN HỚN QUÂN
PHÒNG LĐ-TB&XH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 522/PLĐTBXH
Về việc góp ý dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh ngày 22/08/2022

Hòn Quản, ngày 24. tháng 8. năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Công văn số 1626 /SLĐTBXH- QLLVXH ngày 22/08/2022 của
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh ngày 22/08/2022.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Phòng LĐ-TB&XH huyện thống
nhất với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; không có ý kiến đóng góp gì thêm.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước năm
2022/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

LÊ TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Minh Dũng

UBND THÀNH PHỐ ĐÔNG Xoài
PHÒNG LAO ĐỘNG-
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số : 452 /PLĐTBXH

V/v góp ý nội dung dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh

Thực hiện Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh về việc góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua xem xét nội dung dự thảo, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố thống nhất với nội dung và không có ý kiến đóng góp gì thêm.

Vậy Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội được biết.

Trân trọng!

Noi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo cơ quan;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Thị Nhài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

Số 8/UBND-VX

V/v đóng góp ý kiến vào dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Phú, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Vừa qua, UBND huyện Đồng Phú nhận được Công văn số 1626/SŁDTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc lấy ý kiến đóng góp ý vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu nội dung văn bản, UBND huyện Đồng Phú hoàn toàn thống nhất với các nội dung trong dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng LĐ-TB và XH;
- Lưu: VT



Nguyễn Thanh Phương

UBND HUYỆN CHƠN THÀNH
PHÒNG LAO ĐỘNG - TBXH

Số: 131 /LĐTBXH
V/v đóng góp vào dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thực hiện theo Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Chơn Thành thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là đóng góp của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Chơn Thành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Ký bởi: Phòng Lao động - Thương
binh và Xã hội
Email: **TRỊNH XUÂN KHIỀU**
pldtbxh.hct@binhphuoc.gov.vn
Cơ quan: Huyện Chơn Thành, Tỉnh
Bình Phước
Ngày ký: 23-08-2022 16:52:07
+07:00

UBND HUYỆN BÙ ĐỐP
PHÒNG LAO ĐỘNG - TBXH

Số: 38 /LĐTBXH
V/v đóng góp vào dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đốp, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thực hiện theo Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Bù Đốp thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là đóng góp của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Bù Đốp./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Năm

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
PHÒNG LDTB&XH

Số: 181.... /LDTB&XH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày 23 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh..

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Công văn số 1545/SLDTBXH-QLLVXH ngày 11/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc 1626/SLDTBXH-QLLVXH V/v lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025, Phòng Lao động – Thương binh và xã hội huyện Bù Đăng thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Trân trọng báo cáo./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



Nguyễn Thị Hồng Thắm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1878 /SLĐTBXH-QLLVXH

V/v giải trình, tiếp thu ý kiến của Thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bình Phước, ngày 23 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2538/VPUBND-KGVX ngày 22/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của Thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh,

Sau khi nghiên cứu nội dung Công văn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

Đối với 02 ý kiến của Ủy viên UBND tỉnh - Giám đốc Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 1259/STP-PC ngày 13/9/2022): 02 ý kiến này trùng với nội dung thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022; đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu tại Báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022 (*Kèm theo báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và dự thảo tiếp thu sau thẩm định của Sở Tư pháp*).

Vì vậy, sau khi rà soát các góp ý của Thành viên UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu tại Báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp trình UBND tỉnh.

Trân trọng./. Quyết

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLLVXH (M.23.9).



Huỳnh Thị Thùy Trang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NGOẠI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 398 /SNgV-VP

Bình Phước, ngày 19 tháng 9 năm 2022

V/v góp ý dự thảo đổi với dự thảo
Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Sở Ngoại vụ nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đổi với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đổi với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025;

Sau khi nghiên cứu các dự thảo, ủy viên UBND tỉnh - Giám đốc Sở Ngoại vụ thống nhất với nội dung của các bản dự thảo nêu trên.

Sở Ngoại vụ kính chuyển Văn phòng UBND tỉnh biết, tổng hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Phạm Thị Anh Thư

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ XÂY DỰNG

Số: 2720/SXD-TTrXD
V/v góp ý đối với dự thảo Tờ
trình của UBND tỉnh và dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bình Phước, ngày 19 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước

Sở Xây dựng (Ủy viên UBND tỉnh) nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022-2025. Sở Xây dựng (Ủy viên UBND tỉnh) thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết nêu trên. Chuyển Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTrXD (Hùng).

GIÁM ĐỐC



Võ Tất Dũng

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP**

Số: 1295/STP-PC

V/v ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp
– thành viên UBND tỉnh đối với dự
thảo Quyết định QPPL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 13 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp - thành viên UBND tỉnh cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025. Sau khi xem xét hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp - thành viên UBND tỉnh có ý kiến như sau:

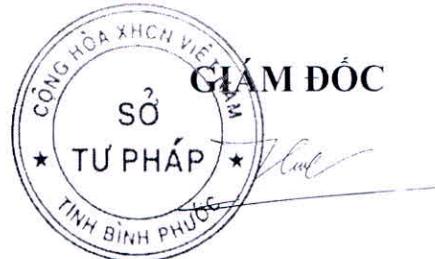
1. Tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đưa nội dung đoạn “không tính vào tiêu chí thu nhập ... giai đoạn 2022-2025” ra khỏi dự thảo cho phù hợp vì việc quy định đoạn này là không cần thiết.

2. Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết đề nghị Văn phòng UBND tỉnh bỏ cụm từ “Tổ chức thực hiện” tại tên của Điều và chèn nội dung đoạn đầu của Điều lên cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp - thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC,



Lê Tiến Hiếu

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

SỞ Y TẾ

Số: 3445 /SYT-VP

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của
UBND tỉnh và dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 19 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Sở Y tế nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của
Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của
UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định
mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có
khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025;

Về vấn đề này, ủy viên UBND tỉnh – GD Sở Y tế thống nhất với nội dung của
bản dự thảo nêu trên.

Sở Y tế kính chuyển Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGD;
- Lưu: VT, VP (Hà 19.9);



Quách Ái Đức

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 2461 /SVHTTDL-TTr

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh
và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025.

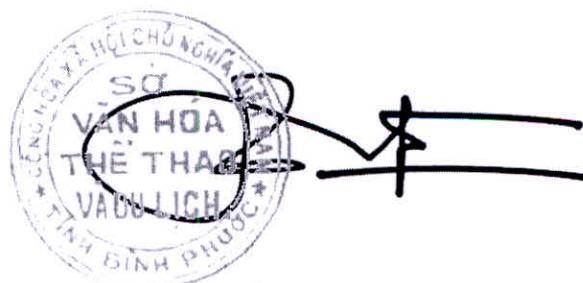
Sau khi nghiên cứu thể thức và nội dung bản dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với 02 bản dự thảo nêu trên.

Gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tham mưu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTr(NHV).

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chung

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 1132 /STTTT-TTra

V/v góp ý đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Sở Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các văn bản liên quan, Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Kính gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT.



QUÂN KHU 7
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2049/BCH-VP

V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo
Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

VP.UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐẾN	Số:
Ngày: 12/9/2022	
Chuyển:	MV

Số và ký hiệu HS Căn cứ Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng
UBND tỉnh Bình Phước về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của
UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối
tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh
Bình Phước giai đoạn 2022-2025. Bộ CHQS tỉnh nhất trí với dự thảo Tờ trình và dự
thảo Nghị quyết, không có nội dung góp ý, bổ sung.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đ/c Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh tại phiếu giải
quyết công văn ngày 12/9/2022, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh báo cáo Văn phòng
UBND tỉnh để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP. T05.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 09 năm 2022

TL. CHỈ HUY TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Thượng tá Phùng Mạnh Lý

Số: /TT-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Từ năm 2000 đến nay, các văn bản pháp luật quy định về chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội không ngừng được sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Mức chuẩn trợ giúp xã hội liên tục được điều chỉnh trong các nghị định của Chính phủ tăng từ 45.000 (năm 2000) đồng lên lần lượt 120.000 đồng (năm 2007), 180.000 đồng (năm 2010), 270.000 đồng (năm 2013), 360.000 (năm 2021)¹.

Mặc dù mức chuẩn trợ giúp xã hội được điều chỉnh tăng từ mức 45.000 đồng lên mức 360.000 đồng, nhưng vẫn quá thấp so với mức lương cơ sở và chuẩn nghèo về tiêu chí thu nhập. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, chuẩn nghèo 1.500.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ nghèo khu vực nông thôn; 2.000.000 đồng/hộ/tháng đối với hộ nghèo khu vực thành thị (theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) trong khi mức chuẩn trợ cấp xã hội là 360.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ) chỉ bằng 24,16% mức lương cơ sở, bằng 24% chuẩn nghèo khu vực nông thôn và bằng 18% so với chuẩn nghèo khu vực thành thị;

¹ Quy định tại các Nghị định: Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội; Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

tốc độ thay đổi chuẩn trợ cấp xã hội chậm hơn nhiều lần so với sự thay đổi của mức lương cơ sở và mức sống trung bình.

Hiện nay, toàn tỉnh có 20.007 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng; trong đó có 349 đối tượng bảo trợ xã hội thuộc 307 hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh.

Ngoài mức trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mang tính bình quân (các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo hoặc hộ khá giả đều nhận mức hỗ trợ như nhau) nên đối với các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động, đời sống của họ vô cùng khó khăn vì ngoài khoản trợ cấp xã hội, họ hầu như không có khoản thu nhập ổn định nào khác do bản thân và các thành viên không có khả năng lao động, họ luôn cần hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ hàng tháng để đảm bảo mức sống tối thiểu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, mục tiêu đến năm 2025, thu ngân sách đạt từ 18.000 tỷ đến 18.500 tỷ, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 100 triệu đồng/năm. Với định hướng này, kinh tế và đời sống của người dân Bình Phước ngày càng tốt hơn. Để thực hiện mục tiêu, chương trình hành động thực hiện nghị quyết cũng đặt ra yêu cầu: “Lấy hiệu quả kinh tế làm trọng tâm, quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo phát triển bền vững”.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 là rất cần thiết nhằm hỗ trợ khoản thu nhập ổn định cho các đối tượng này có mức sống trung bình, góp phần xóa dần khoảng cách về thu nhập, tạo điều kiện để họ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thể hiện tinh thần văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định: “Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

- Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”;

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 nhằm tạo ra tiền đề cho sự ổn định xã hội, góp phần cung cấp những thành quả trong đổi mới kinh tế, chính trị, tạo lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm: Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo chính sách an sinh xã hội, trong đó quan tâm trợ giúp nhóm đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngân sách của tỉnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết được xây dựng theo khoản 4 Điều 27 Luật Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, đến nay đã thực hiện qua các bước công việc sau:

Ngày 09/9/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1686/SLĐTBXH-QLLVXH về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi các sở, ban, ngành tỉnh; Công văn số 1969/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 10/9/2021 về việc đề nghị đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành, ngày 09/3/2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 379/TTr-SLĐTBXH xin chủ trương Thường trực Tỉnh ủy xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 – 2025.

Ngày 10/6/2022, Ban cán sự đảng UBND tỉnh có Tờ trình 128-TTr/BCS về việc xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với một số Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa X.

Ngày 17/6/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 350-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phiên thứ 21/2022.

Ngày 29/7/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 1440/SLĐTBXH-VP ngày 29/7/2022 về việc đăng ký nội dung trình kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh.

Ngày 22/8/2022, UBND tỉnh có Công văn số 2257/UBND về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp chuyên đề tháng 9/2022 của HĐND tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Công văn số 1394/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/7/2022; Công văn số 1626/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 22/8/2022).

Đến ngày 30 tháng 8 năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 12 đơn vị/15 đơn vị gửi lấy ý kiến (03 sở, 08 huyện, thị xã, thành phố và ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh). Trong đó có 09 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị quyết; 03 đơn vị góp ý cụ thể vào nội dung Dự thảo Nghị quyết.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 gửi UBND tỉnh, Sở Tư pháp (Báo cáo số 239/BC-SLĐTBXH ngày 30/8/2022).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 1711/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 30/8/2022). Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Văn phòng UBND tỉnh đã lấy ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh bằng văn bản; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh (Báo cáo số/SLĐTBXH-QLLVXH ngày /9/2022).

V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục: Nghị quyết gồm 04 điều:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2: Đối tượng áp dụng;

Điều 3: Mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện;

Điều 4: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 – 2025, cụ thể :

a) Mức hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (*Mức hỗ trợ không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định; không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 – 2025*).

b) Kinh phí thực hiện: Trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh), được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp của địa phương.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- *Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 – 2025.*

- *Báo cáo số 239/BC-SLĐTBXH ngày 30/8/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, ý kiến phản biện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025;*

- *Báo cáo số 220/BC-STP ngày 06/9/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.*

- *Báo cáo số 245/BC-SLĐTBXH ngày 07/9/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.*

- *Các văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương; ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐ-TB&XH;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO
Sau thẩm định
của Sở Tư pháp

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng
bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động
trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXH ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ: 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị (*Mức hỗ trợ này không bao gồm kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định*).

2. Kinh phí thực hiện: Trích từ nguồn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh), được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp của địa phương.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính,
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ LĐTBXH;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NỘI VỤ
Số 15/16 /SNV-VP

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09/9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025;

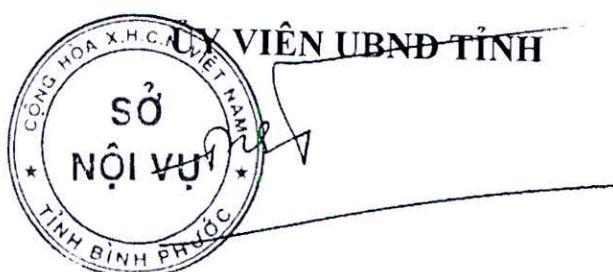
Về vấn đề này, Ủy viên UBND tỉnh - Giám đốc Sở Nội vụ thống nhất với nội dung của bản dự thảo nêu trên.

Chuyển Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Trần Thị Ánh Tuyết
GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 1430SKHCN-VP
V/v góp ý dự thảo tờ trình của UBND
tỉnh và dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 2407/VPUBND-KGVX ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh,

Qua xem xét nội dung của dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2025; Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, chuyển Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Văn phòng (N);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Minh Thúy